TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 12 - 2023
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Đoàn Minh Hương.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và bà Đoàn Thị Nguyệt.
- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông .
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2023/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Công S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Công S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau một thời gian chung sống, nay cảm thấy không còn hòa hợp, tình trạng đời sống chung luôn mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Hiện nay ông bà đã ly thân, bà T không còn sống chung với ông S. Xét thấy, tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, nên ông S làm đơn yêu cầu Tòa án không công

nhận ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Ông S và bà T có 04 con chung là Lê Công Th sinh năm 1990, Lê Thị Bích Ph sinh năm 1993, Lê Hồng D sinh năm 1995, Lê Công G sinh năm 1997, các con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ông S và bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông S đồng ý tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

Bị đơn bà Hoàng Thị Thúy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Lê Công S sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Qúa trình chung sống một thời gian, do nay không còn hòa hợp, đời sống luôn mâu thuẫn nguyên nhân do ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Hiện nay bà và ông đã ly thân, bà T không còn sống chung với ông S. Xét thấy, tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, nên ông S làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T là vợ chồng theo quy định, bà T hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Bà T và ông S có 04 con chung là Lê Công Th sinh năm 1990, Lê Thị Bích Ph sinh năm 1993, Lê Hồng D sinh năm 1995, Lê Công G sinh năm 1997, các con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ông S và bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đồng ý như trình bày của ông S.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp:

- *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công S đối với bà Hoàng Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T tự nguyện

chung sống từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T. Bà Hoàng Thị T sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công S đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T, nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù chung sống với nhau từ năm 1988 cho đến nay, ông S và bà T có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tại điểm b, mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6- 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

b) "Nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ 03-01-1987 đến ngày 01-01-2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký hết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ...".

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà T là phù hợp.

Về con chung: Ông S và bà T có 04 con chung là Lê Công Th sinh năm 1990, Lê Thị Bích Ph sinh năm 1993, Lê Hồng D sinh năm 1995, Lê Công G sinh năm 1997, các con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ông S và bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S bà bà T đều không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông S phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công S đối với bà Hoàng Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Công S và bà Hoàng Thị T.

- *Về con chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Công S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001025 ngày 08-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Đoàn Minh Hương